TÒA ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-12- 2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến;
2. Bà Nguyễn Thị Cương.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim Oanh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 272/2019/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST- HNGĐ ngày 02/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 (vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Số nhà A, đường Q T, thành phố B G, tỉnh B G.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn Tr V, xã Đ H, huyện Y T, tỉnh B G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/10/2019, bản tự khai ngày 29 tháng 10 năm 2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L ngày 20/5/1996 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện Y T, tỉnh B G. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến năm 2006 vợ chồng chị đã ly thân tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Thành N, sinh năm: 2002, cháu Nam đã chết năm 2013.

Tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng với anh L nhưng anh L không hợp tác, không đến Tòa án tham gia tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tìm gặp trực tiếp anh L nhưng không gặp được anh L, các văn bản tố tụng của Tòa án được cấp, tống đạt thông qua bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ cùng cư trú với anh L, bà N khẳng định nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án bà nhận thay cho anh L bà đã thông báo cho anh L được biết, trong hồ sơ vụ án không có bản khai của anh L.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L đều vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Điều 227, Điều 228 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L , anh Nguyễn Văn L theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 20 tháng 5 năm 1996, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện Y T, tỉnh B G. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ năm 2006. Ngày 28 tháng 10 năm 2019 chị L nộp đơn xin ly hôn L. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh L không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, vợ chồng anh chị sống ly thân kéo dài

nên cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Thành N, sinh năm: 2002, cháu N đã chết năm 2013 nên không xem xét giải quyết.

[2.2] Tài sản chung, quyền sử dụng đất chung, các khoản nợ chung của vợ chồng: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Xử: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Án phí: Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/0004568 ngày 29 tháng 10 năm 2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang thu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi ở cuối cùng./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đồng Hưu, huyện Yên Thế;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VPTA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo